

Đà Lạt, ngày 04 tháng 09 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 512/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

*Nguyên đơn:* Ông (bà) **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1988

Địa chỉ:, Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: 17, phường B, thành phố Đà Lạt.

*Bị đơn:* Ông (bà): **Hoàng Công H**, sinh năm 1987

Địa chỉ:, Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: 15/1, phường A, thành phố Đà Lạt. tỉnh Lâm

**Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;**

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Áp dụng Nghị quyết 622/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 08 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Nguyễn Thị D – ông Hoàng Công H đều thoả thuận thuận tình ly hôn.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về con chung:* Có 01 con chung.

- Cháu Hoàng Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/8/2011. Hiện nay cháu đang ở với mẹ, chúng tôi ly hôn con chung là cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ nên chúng tôi đồng ý, thoả thuận giao cháu T là con chung của vợ chồng cho bà D là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên

Ông H không cấp dưỡng nuôi con chung mà tự thực hiện nghĩa vụ làm ba

*Tài sản chung:* Không có.

*Nợ chung:* Không có

*-Quyền thăm nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*

*Tài sản chung:* Không có.

*Nợ chung:* Không có

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị D chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000đ bà D đã tạm nộp theo biên lai thu số **0000975** ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đà Lạt), hoàn trả cho bà D số tiền 150.000đồng còn thừa.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng.
- Viện kiểm sát ND, tp Đà Lạt.
- UBND,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Văn Điền**